

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 229/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bé.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh
2. Bà Trần Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Thường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện P, tỉnh Q. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 03 Mai X, khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày: Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Tuấn V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T vào ngày 16 tháng 6 năm 2020. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tiếp tục chung sống. Vì vậy, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông V.

Về con chung: Vợ chồng bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Tuấn V có một con chung: Nguyễn Phạm Vũ T, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2020, hiện nay con chung đang sống cùng bà P. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị P không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tuấn V trình bày: Lời trình bày của bà P về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn gia đình, con chung là đúng. Ông V đồng ý yêu cầu ly hôn của bà P, đồng ý giao con chung cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Tuấn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Tuấn V vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải là không tuân thủ quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 85, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, được trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn; bị đơn ông Nguyễn Tuấn V cư trú tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Tuấn V tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2020 nên hôn nhân của bà P và ông V hợp pháp.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định: Bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Tuấn V đều xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dù đã cố gắng rất nhiều nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không thể hoà hợp, bà P đã về nhà mẹ sinh sống, không sống cùng ông V từ nhiều tháng nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà P và ông V thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thống nhất thuận tình ly hôn của bà P và ông

V phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế tình trạng hôn nhân của bà P và ông V nên căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà P và ông V.

[2.2] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Tuấn V có 01 con chung là Nguyễn Phạm Vũ T, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2020. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến đủ tuổi thành niên. Ông V đồng ý yêu cầu của bà P. Xét thấy, hiện nay cháu T dưới 36 tháng tuổi, đang do bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, con chung phát triển tốt về thể lực và trí lực, bà P đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị P yêu cầu ông Nguyễn Tuấn V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông Nguyễn Tuấn V không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét thấy, nuôi con trách nhiệm của cha, mẹ, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà P là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con trẻ nên có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị P, ông Nguyễn Tuấn V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Ông Nguyễn Tuấn V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị P đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn V về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Tuấn V;
- Giao con chung Nguyễn Phạm Vũ T, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2020 cho bà Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Tuấn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Phạm Vũ T mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu)

đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2023 đến khi con Nguyễn Phạm Vũ T đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng: Hằng tháng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Phạm Thị P có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Tuấn V không nộp khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ông Nguyễn Tuấn V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Bà Phạm Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010093, ngày 04 tháng 04 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Bà P đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Tuấn V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25-8-2023), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- UBND phường An Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Bé

